

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 821/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1980. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Nguyên T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà A, Tổ B, Ấp 10, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:

Chị và anh T quen biết và chung sống với nhau vào năm 2010, đến năm 2011 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến tháng 2 năm 2012 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã và anh T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, nói lời lẽ nặng nề, chửi bới cả đêm không cho vợ con nghỉ ngơi và đập phá đồ đạc trong nhà. Cả hai bên gia đình đã hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01 năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân và không ai có ý bàn bạc đoàn tụ để cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Nay chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Trà M, sinh ngày 26/10/2012. Hiện nay cháu đang sống cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Nguyên T trình bày:

Anh và chị Lê Thị B xây dựng gia đình, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận vào năm 2011. Quá trình vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã nhưng theo anh là mâu thuẫn không trầm trọng. Anh thừa nhận anh cũng thường xuyên uống rượu và có chửi bới vào ban đêm nhưng anh không có đánh chị B, anh cũng cố gắng tìm việc làm nhưng do làm ca đêm không ngủ được nên anh nghỉ việc. Vào năm 2014, chị B có nộp đơn ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn để cho anh cơ hội sửa chữa khuyết điểm, anh cũng đã khắc phục được những lỗi sai của mình. Lần này Tòa án tiến hành hòa giải anh có nhiều lần bàn bạc cùng chị B để đoàn tụ gia đình nhưng chị B vẫn kiên quyết ly hôn. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị B nên anh không đồng ý ly hôn mong Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Trà M, sinh ngày 26/10/2012. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục tố tụng đúng theo quy định của

Bộ luật Tổ tụng dân sự, đảm bảo khách quan, toàn diện và dân chủ trong tranh tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Trà M, sinh ngày 26/10/2012. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 1 năm 2017. Cho thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy, chị B yêu cầu được ly hôn anh T và yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ, nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị B khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Trần Nguyên T cư trú tại Tổ A, Ấp B, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị B và anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận vào năm 2011 đúng quy định pháp luật, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 42/2011, quyền số 01/2011 ngày 14/6/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị B và anh T thì sau khi chung sống được thời gian đầu hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã và anh T cũng đã thừa nhận việc thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn và đập phá đồ đạc trong nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017.

Năm 2014 vợ chồng chị B và anh T đã từng nộp đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Long Thành đình chỉ giải quyết vụ án để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình thụ lý, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh chị cũng không thỏa thuận đoàn tụ được. Do đó, xét quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là có mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, việc chị B yêu cầu được ly hôn anh T là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê Trà M, sinh ngày 26/10/2012. Hiện tại cháu M đang sống ổn định cùng chị B. Mặt khác anh T thường xuyên say xỉn không có việc làm. Nên ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị B không yêu cầu giải quyết và anh T không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Trần Nguyên T.

2.Về con chung: Có 01 con tên Trần Lê Trà M, sinh ngày 26/10/2012. Xử giao cho chị Lê Thị B được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Lê Trà M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Trần Nguyên T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh T. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

tại biên lai số 005106 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị B đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị B và anh Trần Nguyên T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1),
- VKSND h. Long Thành (1),
- Chi cục THADS h. Long Thành (1),
- UBND xã LP (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà